

Số: /BC-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025

Nhằm hoàn thiện dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên tại Văn bản số 1509/SNN-PTNT ngày 11/9/2020.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được 14 văn bản góp ý, trong đó: 07 đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết; Có 07 đơn vị có ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp giải trình, tiếp thu như sau:

| TT | Tên đơn vị tham gia ý kiến | Nội dung ý kiến tham gia | Ý kiến Tổ soạn thảo (Giải trình, tiếp thu) |
|----|--|---|--|
| 1 | Sở Công thương (Văn bản số 1016/SCT-QLTM ngày 18/9/2020) | Đề nghị chỉnh sửa nội dung tại Điểm b Khoản 5 Điều 2 như sau: Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhân hiệu, nhưng không quá 20 triệu đồng/nhãn hiệu. | Đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa. |
| 2 | Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 858/KHCN-KHTC ngày 21/9/2020) | Góp ý 1: Điểm b Khoản 1 Điều 1 đề nghị viện dẫn đầy đủ tên gọi của văn bản được viện dẫn đến tại lần viện dẫn đầu tiên, sau đó có thể quy ước viết tắt để sử dụng cho các lần viện dẫn tiếp theo để đảm bảo phù hợp với Khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL. | Đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa. |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | | <p>Góp ý 2: Đề nghị thống nhất đơn vị tính đối với kinh phí hỗ trợ (tỷ đồng, triệu đồng, đồng).</p> | <p>Đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa thống nhất đơn vị tính đối với kinh phí hỗ trợ là triệu đồng. Riêng đơn vị tính đối với kinh phí hỗ trợ tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 2 đề nghị giữ nguyên dự thảo vì mức kinh phí hỗ trợ nhỏ.</p> |
| | | <p>Góp ý 3: Điểm b Khoản 5 Điều 2 đề nghị quy định cụ thể “Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhãn hiệu tập thể, nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm” để thống nhất đối tượng hỗ trợ với một số chính sách của tỉnh đã ban hành có liên quan (<i>Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang</i>).</p> | <p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung đã nêu, lý do: Nghị định 98/2018/NĐ-CP không quy định cụ thể loại nhãn hiệu, mặt khác để giúp đối tượng thụ hưởng của chính sách có thể linh hoạt trong vấn đề lựa chọn nhãn hiệu theo tính chất và chức năng của từng loại nhãn hiệu và phù hợp với từng nhóm sản phẩm, có thể là nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu thông thường (không quy định bắt buộc phải xây dựng nhãn hiệu tập thể).</p> |
| 3 | <p>Sở Tài chính (<i>Văn bản số 2107/STC-HCSN ngày 18/9/2020</i>)</p> | <p>Góp ý 1: Tại Điều 1 đề nghị bổ sung thêm phần đối tượng áp dụng.</p> | <p>Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “<i>văn bản quy phạm pháp luật không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác</i>”. Vì vậy, đơn vị soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.</p> |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | <p>Góp ý 2: Khoản 3 Điều 2 Hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật,... đề nghị thuyết minh cơ sở đề xuất mức hỗ trợ.</p> | <p>Cơ sở đề xuất hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề vận dụng Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Mức hỗ trợ được tính toán trên cơ sở vận dụng theo Điều 1 Quyết định 1856/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mức chi và danh mục nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2019; mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại vận dụng Quyết định 1856/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh; Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-CP ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Mức hỗ trợ tập huấn nâng cao nghiệp vụ quản lý vận dụng theo Điều 27 Nghị định số 83/2018/ND-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và theo quy định hiện hành.</p> |
| | | <p>Góp ý 3: Khoản 4 Điều 2 Hỗ trợ giống, vật tư qua dịch vụ tập trung của HTX hoặc của chủ trì liên kết. Đề nghị thuyết minh cơ sở đề xuất mức hỗ trợ.</p> <p>Theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.</p> | <p>Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ vận dụng theo Điểm c Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/ND-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và Điểm a Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.</p> <p>Cơ quan soạn thảo đề xuất mức hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch liên</p> |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | | <p>kết để lượng hóa kinh phí. Mức hỗ trợ cụ thể sẽ căn cứ vào: quy mô của từng dự án hoặc kế hoạch liên kết, căn cứ vào giá giống tại thời điểm đề xuất, phẩm cấp từng loại giống cây trồng, vật nuôi,... được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, đơn vị soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>Đối với nội dung: hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm. Đơn vị soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa.</p> |
| | | <p>Góp ý 4: Khoản 5 Điều 2 đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại nội dung này, vì các nội dung hỗ trợ này đã quy định tại Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh.</p> | <p>Đối tượng thụ hưởng của 02 chính sách khác nhau: đối tượng quy định tại Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND là hợp tác xã, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; trong khi đó đối tượng tham gia thực hiện liên kết bao gồm: Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, THT (gọi chung là nông dân); cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (gọi chung là cá nhân); HTX, liên hiệp HTX (gọi chung là HTX); doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Vì vậy, đơn vị soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> |
| | | <p>Góp ý 5: Khoản 7 Điều 2 Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ đề nghị sửa lại là: Từ nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.</p> | <p>Đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa.</p> |

| | | | |
|---|---|--|---|
| 4 | <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>Văn bản số 2334/SKHĐT-KTN ngày 23/9/2020</i>)</p> | <p>Tại Điểm a Khoản 3 Điều 2 Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Nghề phi nông nghiệp và kỹ thuật trồng nấm là 650.000 đồng/người/tháng; nghề nông nghiệp khác là 520.000 đồng/người/tháng. Đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề và mức hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng lao động trên.</p> | <p>Cơ sở đề xuất hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề vận dụng Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Mức hỗ trợ được tính toán trên cơ sở vận dụng theo Điều 1 Quyết định 1856/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mức chi và danh mục nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2019; mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại vận dụng Quyết định 1856/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh; Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-CP ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Mức hỗ trợ tập huấn nâng cao nghiệp vụ quản lý vận dụng theo Điều 27 Nghị định số 83/2018/ND-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và theo quy định hiện hành.</p> |
| 5 | <p>Sở Tư pháp (<i>Văn bản số 610/STP-XD&KTrVB ngày 29/6/2020</i>)</p> | <p>Góp ý 1: Phạm vi điều chỉnh “Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” là còn chung chung, chưa đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng của dự thảo văn bản.</p> | <p>Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa như sau: Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (áp dụng với các sản phẩm nằm trong danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được UBND tỉnh ban</p> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | hành). |
| | | <p>Góp ý 2: Đối tượng áp dụng nêu tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, mục 2 phần II dự thảo Báo cáo thuyết minh xác định đối tượng áp dụng là “Dự án liên kết (gọi tắt là dự án) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (gọi tắt là kế hoạch liên kết) có các ngành hàng, sản phẩm nằm trong danh mục cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt” là không phù hợp với Khoản 2 Điều 3 của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, theo đó “Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành.</p> | Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo. |
| | | <p>Góp ý 3: Phần căn cứ pháp lý ban hành chưa phù hợp với mẫu số 17, phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL.</p> | Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo. |
| | | <p>Góp ý 4: Phần nơi nhận quy định thành phần nhận là “Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nông nghiệp và PTNT; Ủy ban MTTQ; Công báo Bắc Giang” là chưa phù hợp với Khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-</p> | Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo. |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | | CP, Điểm b Khoản 2 Điều 6 Luật MTTQ Việt Nam năm 2015 và Điểm b Khoản 4 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh. | |
| 6 | Văn phòng điều phối nông thôn mới (Văn bản số 156/NTM-KHTH ngày 21/9/2020). | Góp ý 1: Một số nội dung quy định tổng mức hỗ trợ/dự án hoặc kế hoạch liên kết, trong khi có một số nội dung chỉ quy định hỗ trợ/dự án liên kết. Do vậy cần bổ sung quy định cụ thể để đảm bảo thống nhất giữa các nội dung. | Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo. |
| | | Góp ý 2: Đề nghị nghiên cứu bổ sung hỗ trợ kinh phí quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. | Đơn vị soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP không quy định nội dung này. |
| 7 | Liên minh HTX tỉnh (Văn bản số 100/LM-NV ngày 21/9/2020). | Nhất trí với nội dung dự thảo | |
| 8 | UBND huyện Tân Yên (Văn bản số 1508/UBND-NN ngày 18/9/2020) | Tại Khoản 2 Điều 2, đề nghị điều chỉnh thành: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ 50% vốn đầu tư mua máy móc, trang thiết bị phục vụ liên kết. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 5.000 triệu đồng/dự án liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Đơn vị soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lý do: Tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc, trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mà không quy định tỷ lệ hỗ trợ riêng cho từng nội dung (máy móc, trang thiết bị và xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết). |

| | | | |
|----|---|-------------------------------|--|
| 9 | UBND huyện Lạng Giang (<i>Văn bản 1891/UBND-NN&PTNT ngày 21/9/2020</i>) | Nhất trí với nội dung dự thảo | |
| 10 | UBND huyện Yên Thế (<i>Văn bản 1371/UBND-NN ngày 17/9/2020</i>) | Nhất trí với nội dung dự thảo | |
| 11 | UBND huyện Yên Dũng (<i>Văn bản 1518/UBND-NN ngày 22/9/2020</i>) | Nhất trí với nội dung dự thảo | |
| 12 | UBND huyện Lục Nam (<i>Văn bản 1799/UBND-NN ngày 22/9/2020</i>) | Nhất trí với nội dung dự thảo | |
| 13 | UBND huyện Việt Yên (<i>Văn bản số 2540/UBND-NN ngày 25/9/2020</i>) | Nhất trí với nội dung dự thảo | |
| 14 | Thành phố Bắc Giang (<i>Văn bản số 2678/UBND-KT ngày 21/9/2020</i>) | Nhất trí với nội dung dự thảo | |

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Lê Bá Thành;
- Chi cục PTNT.

GIÁM ĐỐC

Dương Thanh Tùng

